TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/DS-ST.
Ngày 21-11-2019.
V/v "Tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Văn Dá.

- Ông Võ Tấn Nga.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Tuyết Kha – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 156/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018; Về việc tranh chấp về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐXXST-DS ngày 03/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2019/ QQĐST-DS ngày 25/10/2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 86, ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 86, ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Nguyễn Thị Y, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 14, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

3. Nguyễn Thị C, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của C, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1954 (vắng mặt).

2. Bà Võ Thị U, sinh năm 1957(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thái Thị N, sinh năm 1966 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện M, Sóc Trăng.

3. Ông Trần Văn K , sinh năm 1980 (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Vào lúc 08 giờ sáng, ngày 27/02/2016 trong lúc bà M đang ban đất ngoài lộ thì ông Nguyễn Kim G đi lại dùng cây đánh, đá vào người bà M làm cho bà bị thương phải nhập viện điều trị từ ngày 27/02/2016 đến ngày 07/3/2016. Bà có trình báo đến Công an huyện Thạnh Trị để khởi tố vụ án hình sự nhưng do ông G bị tâm thần nên Công an huyện ra quyết định không khởi tố vụ án. Hiện tại ông G đã chết nhưng chưa bồi thường chi phí điều trị cho bà, theo bà M là khi chết ông G có di sản là quyền sử dụng đất mà Tòa án đã thẩm định, hiện do con ông G là Diễm H đang quản lý vì vợ ông G là bà Nguyễn Thị Trúc Đ cũng đã chết, ngoài ra bà không có tài liệu gì để chứng minh ông G còn có di sản nào khác ngoài diện tích đất Tòa án đã thẩm định. Bà M yêu cầu Tòa án buộc bà Diễm H, bà Y, và C phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do ông G để lại là bồi thường cho bà M tổng cộng số tiền là 15.088.000 đồng, gồm:

- Bồi thường tiền chi phí điều trị theo toa vé là 7.038.000 đồng;

- Bồi thường chi phí tiền xe trong quá trình điều trị là 850.000 đồng;

- Bồi thường ngày công lao động của bà M là 120.000 đồng/ngày, yêu cầu 14 ngày số tiền là 1.680.000 đồng;

- Bồi thường ngày công lao động của người nuôi bệnh là 09 ngày x 150.000 đồng là 1.350.000 đồng.

- Yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần bằng 03 tháng lương tối thiểu số tiền là 4.170.000 đồng.

Theo các biên bản lấy khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị Diễm H trình bày:

Chị là con ông Nguyễn Kim G và bà NguyễnThị Trúc Đ, ông G và bà Đ có 03 người con gồm chị, Nguyễn Thị Y và Nguyễn Thị C. Hiện C đang sống với ông bà Ngoại là ông Nguyễn Thành T và bà Võ Thị U. Ông G và bà Đ đã chết. Phần đất khoảng 04 công tầm cấy mà chị cho ông Trần Văn K thuê có nguồn gốc là đất của bà Thái Thị N nhưng bà N có chuyển nhượng cho ông G hay không là chị không biết. Chị không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà M.

Theo các biên bản lấy khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị Y trình bày: Chị là con của ông G và bà Đ, cha mẹ chị có 03 người con *là Nguyễn Thị Diễm H, Nguyễn Thị C và chị*. Phần đất ông Trần Văn K đang thuê có nguồn gốc là đất ông G chuyển nhượng của bà Thái Thị N, hiện đất này do chị Diễm H cho ông K thuê canh tác hàng năm. Đối với yêu cầu của bà M chị không có ý kiến, đề nghị giải quyết theo qui định của pháp luật.

Bị đơn Nguyễn Thị C, người đại diện hợp pháp của Nguyễn Thị C đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị U: Không có văn bản trình bày ý kiến.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Bà Thái Thị N là vợ của ông, trước đây gia đình có cho vợ chồng ông 10 công đất, trong đó có 01 căn nhà và 1,5 công do người em vợ quản lý, sử dụng, phần đất còn lại vợ ông có chuyển nhượng cho ông G nhưng ông không biết diện tích cụ thể, khi chuyển nhượng vợ ông có giao giấy tờ cho ông G đi chuyển tên nhưng ông G không đi, ông cũng không có yêu cầu gì đối với phần đất vợ ông chuyển nhượng cho ông G.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2019 ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị A khai: Diện tích đất vợ chồng ông K, bà A canh tác là ông, bà có nghe nói là do ông G chuyển nhượng của bà N, nguyên nhân vợ chồng bà canh tác đất là do thuê đất của ông G. Ông K, bà A không có yêu cầu gì liên quan đến phần đất thuê.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự như trên theo qui định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông G gây thương tích cho bà Nguyễn Thị M là 7% nhưng sau đó ông G chết, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Trị ra Quyết định không khởi tố vụ án. Bà M là người bị gây thương tích nhưng người gây thiệt hại cho bà đã chết, cha mẹ và vợ của ông G cũng đã chết, do đó bà khởi kiện yêu cầu người thừa kế là các con của ông G thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm là đúng quy định tại Điều 637, Điều 676 Bộ luật dân sự.

[3] Các khoản yêu cầu bồi thường gồm tiền chi phí điều trị, tiền tàu xe, thu nhập bị mất của người bệnh và của người nuôi bệnh, khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần tổng cộng là 15.088.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn yêu cầu bồi thường đã cung cấp các toa vé, chứng cứ để chứng minh thiệt hại, các khoản nguyên đơn yêu cầu bồi thường là phù hợp với toa vé đã cung cấp, nguyên đơn nhập viện điều trị từ ngày 27/02/2016 đến ngày 07/3/2016 tổng cộng là 09 ngày, ngoài ra có tổng cộng 05 ngày tái khám điều trị thương tích, do vậy nguyên đơn yêu cầu bồi thường thu nhập thực tế bị mất của người bệnh là 14 ngày, của người nuôi bệnh 09 ngày là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 609 Bộ luật dân sự. Ngoài ra nguyên đơn yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần số tiền bằng 03 tháng lương tối thiểu là phù hợp, hành vi của ông G gây thương tích cho nguyên đơn với mức thiệt hại sức khỏe 7% cũng đã làm ảnh hưởng đến tinh thần của bị đơn. Như vậy tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại 15.088.000 đồng là phù hợp.

[4] Qua kết quả xác minh di sản của ông Nguyễn Kim G cho thấy: khi còn sống vợ chồng ông G và bà Đ có nhận chuyển nhượng phần đất của bà Thái Thị N, hiện phần đất này do chị Diễm H cho bà A và ông K thuê, diện tích theo thẩm định thực tế là 6.240m^2 tại thửa 302, 303 tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy cả ông G và bà Đ đều đã chết (bà Đ chết trước), trong khi trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà M là trách nhiệm cá nhân ông G nên về nguyên tắc khi thực hiện nghĩa vụ về tài sản cần xem xét quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, ông G chỉ sở hữu ½ tài sản chung của vợ chồng là 3.120m^2 đất. Giá trị di sản của ông G tính theo đơn giá Nhà nước quy định là 35.000đ/m^2 đất. Theo quy định tại Điều 637 Bộ luật dân sự là những người thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại trong phạm vi di sản do người chết để lại, như vậy giá trị di sản ông Nguyễn Kim G để lại là đảm bảo được việc bồi thường số tiền như trên nên Hội đồng xét xử buộc các bị đơn có trách nhiệm liên đới bồi thường cho nguyên đơn.

[5] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, các bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.088.000 đồng x 5% = 754.400 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 604, Điều 605, Điều 609, Điều 637, Điều 676 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc người thừa kế của ông Nguyễn Kim G gồm chị Nguyễn Thị Diễm H, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới thực hiện thay nghĩa vụ của ông Nguyễn Kim G bồi thường cho bà Nguyễn Thị M số tiền 15.088.000 (mười lăm triệu không trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: chị Nguyễn Thị Diễm H, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị C phải chịu án phí là 754.400 (bảy trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm) đồng.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Bích Phượng